

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/LĐ-ST  
Ngày: 10-02-2025  
V/v tranh chấp yêu cầu vô hiệu  
hợp đồng lao động

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Như

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Chí Lin;

Bà Nguyễn Thị Rạt

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Khắc Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:***  
Ông Võ Đông Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý 175/2024/TLST-LĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-LĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Đào Thị Ngọc B, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

***- Bị đơn:*** Công ty TNHH G; Trụ sở: Lô B- đường Đ, khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Peucca J.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Đào Thị Trúc L, sinh ngày 09/12/ 1996; Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. Trụ sở: Số 08 tuyến tránh, Phường D, Thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Giám đốc.

*(Các đương sự vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 17/69/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Từ tháng 07/2017 cho đến tháng 11/2017, bà B làm việc tại Công ty TNHH S1. Quá trình làm việc tại Công ty này, bà được cấp sổ Bảo hiểm số: 7526696109 và từ tháng 12/2017 thì bà nghỉ việc. Từ tháng 04/2018 đến tháng 01/2020, bà làm việc tại Tổng Công ty Cổ phần M tại T. Từ tháng 03/2020 đến tháng 8/2023 làm việc tại Công ty TNHH P.

Vào năm 2011, bà Đào Thị Trúc L (Cháu ruột bà B) có hỏi mượn Giấy CMND của bà để làm hồ sơ xin việc làm vì lúc này bà L chưa được cấp Giấy CMND. Vì tình cảm cô cháu, gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế nên cần thiết phải đi làm để có tiền trang trải đời sống nên bà cho Trúc L mượn giấy tờ để bà L ký hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn G. Khi làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn G, bà L tham gia bảo hiểm được cấp sổ bảo hiểm số: 8011000792 tên là Đào Thị Ngọc B, bà L làm việc tại Công ty TNHH G đến năm 2014 thì nghỉ việc, hiện nay bà L đã chốt sổ bảo hiểm hưởng chế độ bảo hiểm xã hội xong.

Đến nay có nhu cầu chốt sổ bảo hiểm để hưởng chế độ theo Luật lao động thì Cơ quan Bảo hiểm xã hội thông báo cho tôi biết là không chốt được sổ do trùng tên với Đào Thị Ngọc B đã làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn G, do đó hiện tại tồn tại 02 sổ bảo hiểm tên Đào Thị Ngọc B.

Do đó bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa giải quyết:

1. Tuyên vô hiệu hợp đồng lao động đã ký giữa bà Đào Thị Ngọc B với Công ty Trách nhiệm hữu hạn G vì người ký tên trong hợp đồng này không phải do tôi ký mà do bà Đào Thị Trúc L ký.

2. Điều chỉnh tên Đào Thị Ngọc B tham gia bảo hiểm số số: 8011000792 thành tên Đào Thị Trúc L để tôi được chốt sổ bảo hiểm chính thức của tôi.

*Bị đơn Công ty TNHH G đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày.*

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Trúc L có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 11/12/2024:*

Vào năm 2011 do chưa đủ tuổi lao động nên bà có mượn hồ sơ cá nhân của chị Đào Thị Ngọc B để xin vào làm cho Công ty TNHH G từ tháng 01/2011 đến tháng 9/2014 với số sổ bảo hiểm là 8011000792, sổ này bà đã hưởng chế độ với số tiền 13.603.672 đồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà B bà đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà với Công ty TNHH G trong khoản thời gian từ tháng 01/2011 đến tháng 9/2014, đồng ý điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm để bà B được lãnh tiền BHXH theo quy định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày tại văn bản số 2835/BHXH-PQLT-ST ngày 30/10/2024 như sau:*

Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cung cấp thông tin về thời gian đóng BHTN, BHXH của bà Đào Thị Ngọc B trong giai đoạn từ tháng 01/2011 đến

tháng 9/2014 với số sổ bảo hiểm xã hội số 8011000792 tại Công ty G; Trụ sở: Lô B- đường Đ, khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHYTN đến ngày 28/10/2024, bà B đã hưởng chế độ BHXH một lần với số tiền hưởng là 13.563.672 đồng theo Quyết định số 073454/QĐ-BHXH ngày 06/10/2015 của BHXH tỉnh L.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, BHXH tỉnh L đề nghị: Đối với trường hợp mượn hồ sơ tư pháp để đi làm, việc điều chỉnh nhân thân người lao động trên sổ BHXH đối với khoảng thời gian mượn hồ sơ tư pháp để đi làm sẽ được BHXH tỉnh L thực hiện hiệu chỉnh trên cơ sở quyết định của bản án đã có hiệu lực mà Tòa án đã tuyên và thành phần hồ sơ theo qui định được người lao động cung cấp. BHXH tỉnh L đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định và xin vắng mặt.

Nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn Công ty TNHH G đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: BHXH tỉnh L, bà Đào Thị Trúc L không có yêu cầu độc lập, không cung cấp thêm chứng cứ gì khác. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 262 BLTTDS:

Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa đúng và đầy đủ người vào tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ và điều tra vụ án được tiến hành khách quan, đúng pháp luật; không có đương sự khiếu nại trong quá trình giải quyết vụ án. Tham gia trực tiếp tại phiên tòa xét thấy các bên đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn xác định rõ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có ý kiến trình bày; bị đơn không có yêu cầu phản tố; các bên không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

Về nội dung vụ án: Bà Đào Thị Ngọc B khởi kiện và có cung cấp Sổ bảo hiểm xã hội số 7526696109. Xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh L tại văn bản số 2835/BHXH-PQLT-ST ngày 30/10/2024 về quá trình đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đã thể hiện bà Đào Thị Trúc L có ký kết hợp đồng lao động và là người tham gia làm việc thực tế cho Công ty TNHH G từ tháng tháng 01/2011 đến tháng 9/2014 nhưng về nhân thân, hồ sơ pháp lý là của bà Đào Thị Ngọc B. Việc bà Đào Thị Trúc L mượn hồ sơ cá nhân của bà Đào Thị Ngọc B để đi làm tại Công ty TNHH G là vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ Luật Lao động nên căn vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà B (thực tế là bà L) với Công ty TNHH G.

Đối với yêu cầu điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội của bà B (người tham gia lao động là bà L) xét thấy, tại thời điểm bà L ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G thì bà L chưa đủ 15 tuổi, do vậy đề nghị Tòa án không

tuyên điều chỉnh tên trên Sổ BHXH mà xác định bà L được quyền liên hệ BHXH để được hoàn trả số tiền đã đóng thực tế đối với khoảng thời gian chưa đủ 15 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đào Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà (nhưng người tham gia lao động thực tế là bà Đào Thị Trúc L) với Công ty TNHH G, yêu cầu điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội, căn cứ quy định tại các Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Tại phiên tòa, Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định khoản 2 Điều 227 BLTTDS; khoản 1 Điều 228 BLTTDS;

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH G với bà Đào Thị Ngọc B (người lao động thực tế là bà Đào Thị Trúc L), Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và thừa nhận của các đương sự thì có cơ sở xác định: Thực tế giai đoạn từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 9 năm 2014, bà Đào Thị Ngọc B có cho bà Đào Thị Trúc L mượn hồ sơ cá nhân để đi làm tại Công ty TNHH G. Việc bà Đào Thị Ngọc B cho bà Đào Thị Trúc L mượn giấy chứng minh nhân dân tham gia ký kết hợp đồng lao động là vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ Luật Lao động. Căn cứ hướng dẫn tại Công văn 1767/LĐTĐ-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1: Trường hợp người lao động mượn hồ sơ, thông tin cá nhân của người khác để tham gia giao kết hợp đồng lao động là vi phạm nguyên tắc “*trung thực*” theo qui định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật lao động và vi phạm “*nghĩa vụ cung cấp thông tin*” theo qui định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật lao động và đây là hành vi bị nghiêm cấm khi tham gia BHXH theo qui định tại khoản 4 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội nên Hợp đồng lao động này bị vô hiệu theo điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động và Điều 123 Bộ luật Dân sự. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH G với bà Đào Thị Trúc L đối với khoảng thời gian mượn hồ sơ cá nhân để đi làm từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 9 năm 2014 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu điều chỉnh tên Đào Thị Ngọc B trên sổ BHXH số 8011000792 trong thời gian tháng 01/2011 đến tháng 9/2014 tại Công ty TNHH G thành tên Đào Thị Trúc L: Xét Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH G với người tham gia lao động thực tế bà Đào Thị Trúc L, thời điểm ký kết hợp đồng lao động tháng 01/2011 thì bà L (sinh ngày 09/12/1996) chưa đủ 15 tuổi, do đó, trong trường hợp HĐXX không tuyên điều chỉnh sổ mà bà L được quyền liên hệ BHXH để được hoàn trả số tiền bảo hiểm đã đóng thực tế đối với khoảng thời gian chưa đủ 15 tuổi.

[3] Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn Đào Thị Ngọc B tự nguyện chịu 300.000đồng án phí đối với yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Ngọc B về việc “Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động” đối với Công ty TNHH G.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH G với bà Đào Thị Ngọc B (người tham gia lao động thực tế là bà Đào Thị Trúc L) giai đoạn từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 9 năm 2014.

1.2. Bà Đào Thị Trúc L được quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội để được hoàn trả số tiền bảo hiểm đã đóng thực tế đối với khoảng thời gian chưa đủ 15 tuổi.

**2.** Án phí: Bà Đào Thị Ngọc B tự nguyện chịu 300.000đ án phí lao động sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000đồng bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005804 ngày 02/10/2024 mà bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà B đã nộp đủ tiền án phí.

**3.** Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

**4.** Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành

án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Ngọc Như**